

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất và Ranh giới sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và ranh giới sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Thái Thị T, sinh năm 1950 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Số nhà 11, ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Trần Hà Xuân P, Công ty Luật TNHH MTV Tuyên Thụy và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

- Bị đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm 1959 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Anh Phan Văn H, sinh năm 1981 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 22/01/2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Minh H1, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);

2. Nguyễn Minh T2, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 11, ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lê Văn P, sinh năm 1989 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Chí T3, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ trụ sở: Số 02, đường 30/4, khóm M, thị trấn M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ngân hàng TMCP Đ (B);

Trụ sở chính: 35 V, phường L, quận K, thành phố Hà Nội. (Chi nhánh Đồng Tháp – PGD K. Địa chỉ: Số 33, đường K, phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Mỹ H1, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đồng Tháp – PGD K.

6. Trần Kim H2, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt);

7. Phan Văn H, sinh năm 1981 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Thái Thị T trình bày:

Cha mẹ của bà Thái Thị T là ông Thái Văn T2 (Chết năm 1972) và bà Đặng Thị G (Chết năm 1988). Cha mẹ của bà Nguyễn Thị C là ông Nguyễn Văn T3 (Chết năm 1998) và bà Đặng Thị L (Chết năm 1982). Bà G và bà L là chị em ruột.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do ông Khoai (Không biết họ tên) bán giá rẻ lại cho ông Thái Văn T2. Khi mua bán đất, hai bên có làm giấy tờ nhưng lâu ngày giấy tờ đã bị thất lạc. Vào khoảng năm 1969, ông T2 cho lại bà T và ông Nguyễn Văn B (Chồng bà T) diện tích đất này. Đất tọa lạc tại ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Vào khoảng năm 1969 - 1970, ông T2 có cho ông Nguyễn Văn T3 cất nhà ở tạm và sinh sống tạm trên diện tích đất lúa (giáp diện tích đất tranh chấp) của gia đình bà T đến hết đời. Sau khi ông T3 chết, bà T cũng không đòi lại đất vì thấy bà C có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trong quá trình sử dụng đất, bà C tự ý kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất mà ông T2 cho ở tạm. Bà C đăng ký và được cấp quyền sử dụng cả diện tích đất gia đình bà T đang sử dụng. Bà T không biết việc bà C được cấp quyền sử dụng diện tích đất nói trên.

Ngày 01/4/1994, bà Nguyễn Thị C đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 409m² thuộc thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Đất tọa lạc tại xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Trong diện tích 409m² cấp cho Châu có diện tích đất 178.6m² bà T đang sử dụng và trên diện tích đất này có căn nhà của anh Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh H1 đang sinh sống và mồ mả ông, bà của bà T. Khi ông Trần Văn Phong là cháu của bà T chuyển quyền sử dụng đất cho con và tiến hành đo đạc đất giáp ranh, bà T mới phát hiện bà C đứng tên đất của bà T. Từ đó, hai bên phát sinh tranh chấp.

Bà T yêu cầu:

- Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Thái Thị T có diện tích 178.6m² thể hiện tại các mốc: M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M15 – M16 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, thuộc một phần thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C thuộc một phần thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho bà Thái Thị T.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị C, bà T không đồng ý. Các cây trồng trên đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà T. Bà T xác định: Trước đây bà Á với bà C tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất có liên quan đến đất tranh chấp, bà T không có ký xác định ranh đất giữa bà và bà C.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị C và anh Phan Văn H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về mối quan hệ gia đình như bà Thái Thị T trình bày.

Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T3 mua của ông Thái Văn T2 (Cha ruột của bà T) vào khoảng năm 1969. Ông T3 mua của ông T2 03 công đất lúa và một phần đất thổ cư (không biết có giấy tờ gì hay không). Đến năm 1994, bà C tiến hành kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hồ sơ kê khai lần đầu hiện nay bà C không còn lưu giữ.

Vào năm 2007, bà C được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận H03026, thửa đất số 1093, tờ bản đồ số 6, diện tích là 594m², được cấp ngày 17/5/2007, đất tọa lạc tại ấp 5, xã Phương T1, huyện C,

tỉnh Đồng Tháp. Ngày 26/8/2009, bà C có làm đơn yêu cầu tách thửa 1093 thành 02 thửa đất (thửa thứ nhất diện tích 185m², thửa thứ hai diện tích 409m²) và đến ngày 31/8/2009 được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xác nhận đủ điều kiện tách thửa. Ngày 23/9/2009, hộ bà C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03403, thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, diện tích 409m², mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn. Qua những sự việc trên cho thấy thửa đất số 2324 có nguồn gốc tách ra từ thửa 1093 từ trước đã được bà C sử dụng. Hơn nữa, từ khi bà C kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không có ai tranh chấp. Do đó có đủ căn cứ để chứng minh được việc hộ bà C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2324, diện tích 409m² là đúng theo quy định pháp luật.

Bà T trình bày nguồn gốc đất là của ông Thái Văn T2 có cho ông Nguyễn Văn T3 cất nhà ở tạm và sinh sống là không đúng. Bà C cất nhà lần đầu vào năm 1977 và đến năm 2000, bà C có sửa lại nhà sử dụng cho đến nay thì bà T không ngăn cản, không có tranh chấp, không ý kiến và khiếu nại. Do đó, bà C không đồng ý với toàn bộ yêu cầu theo yêu khởi kiện của bà T.

Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính) đối với diện tích đất tranh chấp cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp. Hộ bà C đã bảo lãnh cho chị Trần Kim H2, là con ruột của bà C vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để chăn nuôi bò vào ngày 17/6/2019. Do gặp khó khăn nên chị H2 chưa trả toàn được nợ cho ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu bà C có trách nhiệm liên đới cùng chị H2, anh H thanh toán nợ, bà C đồng ý.

Bà C yêu cầu:

- Bà T phải tháo dỡ, di dời mái che, cây trồng trên diện tích đất tranh chấp;
- Anh Hải và anh T2 tháo dỡ, di dời căn nhà để trả lại diện tích đất tranh chấp cho hộ bà C.
- Bà C xác định ranh giới quyền sử dụng đất với bà T nối từ mốc M10 – M19 – M18 – M21 – M17 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C, anh H có thay đổi yêu cầu giữ nguyên hiện trạng diện tích đất 162.3m² thể hiện tại các vị trí mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M19 – M18 – M17 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho bà C được sử dụng.

Bà C yêu cầu giám định chữ ký của bà Thái Thị T tại Biên bản đo đạc ngày 17/8/2009.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Trần Kim H2, anh Phan Văn H trình bày:

Chị Trần Kim H2 và anh Phan Văn H là vợ chồng. Bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột của chị H2.

Vào ngày 17/6/2016, chị H2 có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính) do hộ bà Nguyễn Thị C đứng tên, diện tích 409m² thuộc thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất ở nông thôn theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp và chị Trần Kim H2 để vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Chị H2 là người đứng ra thế chấp và ký tên. Nhưng do gặp khó khăn về kinh tế nên chị H2 và anh H chưa tất toán nợ theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Số tiền vay này vợ chồng sử dụng chăn nuôi bò. Anh H, chị H2 đồng ý tất toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 264.341.638 đồng và lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Minh H1 trình bày:

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T. Không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP Đ do bà Đoàn Thị Mỹ Hà đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 17/6/2019, chị Trần Kim H2 đã ký Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đồng Tháp để vay số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Chăn nuôi bò. Tính đến ngày 08/7/2022, chị H2 còn dư nợ vay quá hạn tại ngân hàng là 264.341.638 đồng. Khi vay, chị H2 được hộ bà Nguyễn Thị C bảo lãnh bằng việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản chính) thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 23/9/2009, diện tích là 409m², mục đích sử dụng đất ở nông thôn. Đất tọa lạc tại ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Khoản nợ của chị H2 đến nay đã quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu chị H2 thanh toán nhưng phía chị H2 chỉ thanh toán được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), không tất toán được vốn lãi còn lại.

Nay ngân hàng yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị C gồm: bà C và anh Lê Văn P cùng chị Trần Kim H2, anh Phan Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn lãi (Trong đó gồm lãi suất trong hạn và quá hạn theo Hợp đồng tín dụng) là 264.341.638 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng). Yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh kể đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD giữa ngân hàng và chị H2. Trường hợp quyền sử dụng đất của hộ bà C bị thu hồi thì Ngân hàng đề nghị hộ bà C và chị H2, anh H tất toán nợ vay hoặc dùng tài sản khác thay thế nhằm đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T.

2. Bà Thái Thị T được tiếp tục được sử dụng diện tích đất 178.6m² thuộc vị trí các mốc: M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M15 – M16 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh. Cụ thể:

- Từ mốc M5 đến mốc M6 là 13.67 mét.
- + Mốc M5 có điểm gọi đến trụ đá trên thửa đất số 2323 là 10.10 mét;
- + Mốc M6 có điểm gọi đến trụ đá trên thửa đất số 2323 là 8.41 mét và 5.45 mét.
- Từ mốc M6 đo đến mốc M7 – M8 – M9 là 5.20 mét + 4.02 mét + 4.24 mét.
- + Mốc M7 có điểm gọi đến trụ đá trên thửa đất số 2323 là 5.15 mét và mốc M2 (Trụ đá) là 4.45 mét;
- + Mốc M8 có điểm gọi đến nền mộ trên đất của bà T là 5.65 mét và 4.74 mét;
- + Mốc M9 có điểm gọi đến nền mộ trên đất của bà T là 5.01 mét.
- Từ mốc M9 đo đến mốc M10 (Trụ đá) là 13.32 mét.
- Mốc M10 có điểm gọi đến trụ đá bên kia đường đá là 5.83 mét.
- Từ mốc M10 đo đến mốc M15 là 22.74 mét.
- Mốc M15 có điểm gọi đến mốc M18 là 2.77 mét.
- Từ mốc M15 đo đến mốc M16 là 15.93 mét.
- Mốc M16 có điểm gọi đến góc nhà vệ sinh nhà bà T là 2.13 mét và đo đến góc nhà của bà T (M15) là 4.83 mét.
- Từ mốc M16 đo đến mốc M17 là 1.83 mét và đo đến mốc M5 là 3.35 mét + 4.17 mét.

Mốc M17 có điểm gọi đến góc nhà phụ (M22) của bà T là 4.53 mét.

Đất tọa lạc tại Ấp 5, xã Phương Th1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019, ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (Bổ sung) ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc hiện trạng tranh chấp ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị C.

4. Ranh giới giữa đất bà Thái Thị T và hộ bà Nguyễn Thị C được nối từ các mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 và M10 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh.

Bà Thái Thị T và hộ bà Nguyễn Thị C cùng những người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất

phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi diện tích đất 178.6m² thuộc một phần thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB941216, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 03403 đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C vào ngày 23/9/2009 để cấp lại cho bà Thái Thị T theo quy định của pháp luật.

6. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị C, anh Lê Văn P, chị Trần Kim H2, anh Phan Văn H cùng có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền vốn lãi là 264.341.638 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng TMCP Đ.

Lãi suất phát sinh tính từ ngày 09/7/2022 của khoản nợ vay được tính theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD ngày 17/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp và chị Trần Kim H2.

Tiếp tục thực hiện việc đảm bảo khoản nợ vay nói trên bằng Hợp đồng thế chấp số 01/2019/12574509/HĐBĐ ngày 17/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp và chị Trần Kim H2 cho đến khi chị H2 tất toán nợ.

7. Các bên đương sự được quyền đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, cấp lại quyền sử dụng đất và kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị C và anh Phan Văn H trình bày: Thừa nhận đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Thái Văn T2, nhưng đã sang nhượng cho cụ T3. Thừa nhận khi tiến hành kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thì chiều ngang, chiều dài, diện tích đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể là bao nhiêu không biết cụ thể. Khu đất tranh chấp do gia đình bà T sử dụng từ trước đến nay, gia đình bà C chưa được sử dụng. Toàn bộ cây trồng, trên đất là của bà T, chứ không phải do bà C trồng. Giáp ranh có hàng cây gạo là do bà T trồng. Vào năm 1977 bà T làm nhà nhưng bà C không ngăn cản, lý do vì hàng cây làm hàng rào do bà T trồng che khuất tầm nhìn từ nhà bà C đến đất tranh chấp nên bà C không thấy bà T làm nhà. Thực tế ranh theo hàng cây trên đất đã tồn tại từ khi hai bên gia đình bắt đầu sử dụng đất theo đúng các mốc thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Gia đình bà T có phá bỏ nhà cũ, xây nhà tình nghĩa, đã làm thêm 01 căn nhà khác cho

con bà T là anh T2. Gia đình bà T đã an táng 03 ngôi mộ của cha, mẹ và chồng bà T. Khi gia đình bà T an táng người thân thì bà C có qua ngăn cản bằng lời nói với bà T, nhưng không báo chính quyền địa phương. Năm 2002 – 2003 giữa bà C và em ruột là bà Nguyễn Thị Á tranh chấp thừa kế về quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xét xử tuyên cho bà C được sử dụng diện tích đất 4.433m² và 511m² trong đó có phần đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà T, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C.

Bà Thái Thị T trình bày: Đất tranh chấp là của bà T. Khi gia đình bà T làm nhà và an táng làm mộ cho người thân chết thì không thấy gia đình bà C ngăn cản. Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Trần Hà Xuân P trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Thái Văn T2, là cha ruột của bà T để lại cho bà T. Bà T và gia đình bà T trực tiếp sử dụng đất, đã cất nhà, sửa chữa nhà nhiều lần và có 02 lần được chính quyền hỗ trợ cất nhà tình nghĩa. Bà T cho con ruột là anh T2 cất nhà, bà C cũng không ngăn cản và tranh chấp. Bị đơn thừa nhận các cây gáo giáp ranh là do nguyên đơn trồng, mồ mả ông bà của nguyên đơn cũng trên đất này, bị đơn không có ý kiến gì. Vào năm 1994, bà C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm cả diện tích đất của bà T đang sử dụng, trong đó có một phần nhà của bà T. Căn cứ vào hiện trạng diện tích đất tranh chấp, bà T và gia đình bà T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà T. Như vậy, bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Phan Văn H và anh Lê Văn P trình bày: Thống nhất ý kiến của bị đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh H1, Nguyễn Minh T2, Ủy ban nhân dân huyện C, Ngân hàng TMCP Đ và bà Trần Kim H2 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Bà Thái Thị T và bà Nguyễn Thị C đều thừa nhận diện tích đất tranh chấp có diện tích 178.6m² tại các mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M15 – M16 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, thuộc một phần thửa số 2324, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của cụ Thái Văn T2, là cha ruột của bà T và do gia đình bà T sử dụng.

Bà T cho rằng vào năm 1969, cụ T2 cho cụ Nguyễn Văn T3 (cha bà C) ở nhờ trên đất của cụ T2 thì ranh vẫn tồn tại ổn định đến nay và không cho ở nhờ phần đất tranh chấp 178.6m², nhưng khi bà C đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lại được các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có cả 178.6m² đất này.

Bà C cho rằng 178.6m² đất tranh chấp nằm trong tổng thể khu đất diện tích là 594m² của bà C, vì năm 1994 bà C tiến hành kê khai, đền ngày 01/4/1994, bà C được UBND huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, sau đó ngày 17/5/2007 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03026, thuộc thửa số 1093, tờ bản đồ số 6.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C thừa nhận diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ T2 và cho rằng đã chuyển nhượng cho cụ T3, nhưng lại không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác, theo các Biên bản hòa giải cơ sở vào ngày 26/02/2019, ngày 06/3/2019 và ngày 11/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Phương T1, huyện C, bà C trình bày về việc sử dụng đất cũng không thống nhất. Có lúc bà C cho rằng, bà được cha ruột để lại diện tích đất tranh chấp, có lúc lại trình bày đã mua lại đất này từ cha mẹ ruột. Bà C còn trình bày khi tiến hành kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu thì chiều ngang, chiều dài, diện tích đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể là bao nhiêu bà C không biết. Do đó, không có cơ sở xác định cụ T2 đã chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp cho cụ T3.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà C và người đại diện theo ủy quyền của bà C có nhiều lời khai xác định khu đất tranh chấp do gia đình bà T sử dụng, cây trồng, trên đất tranh chấp là của bà T chứ không phải do bà C trồng; gia đình bà T đã làm nhà và an táng 03 ngôi mộ của cha, mẹ và chồng bà T, nhưng bà C không quan tâm, không ngăn cản. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C và anh H (đại diện theo ủy quyền của bà C) trình bày vào năm 1977 bà T làm nhà nhưng bà C không ngăn

cản, lý do vì hàng cây làm hàng rào (do bà T trồng) che khuất tầm nhìn từ nhà bà C đến đất tranh chấp nên bà C không nhìn thấy bà T làm nhà; Thực tế ranh theo hàng cây gáo trên đất đã tồn tại từ khi hai bên gia đình bắt đầu sử dụng đất theo đúng các mốc thể hiện trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ; Trong quá trình sử dụng phần đất tranh chấp, gia đình bà T đã phá bỏ nhà cũ, được địa phương xây nhà tình nghĩa, đã làm thêm 01 căn nhà khác cho con bà T là anh T2. Khi bà T xây mộ cho người thân thì bà C có qua ngăn cản bằng lời nói với bà T, nhưng không báo chính quyền địa phương. Việc bà C và anh H cho rằng có ngăn cản bằng lời nói khi gia đình bà T xây mộ cho người thân, nhưng không được bà T thừa nhận và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Lời khai này mâu thuẫn với các lời khai ban đầu và không khách quan nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà C còn cho rằng vào năm 2002 và năm 2003, giữa bà C và em ruột là bà Nguyễn Thị Á tranh chấp thừa kế về quyền sử dụng đất. Theo bản án số 12/DSST ngày 20/6/2003 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thì bà C được sử dụng diện tích đất 4.433m² và 511m², sau đó căn cứ vào bản án này, bà C đã được UBND huyện Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên, bản án số 12/DSST ngày 20/6/2003 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh nhận định: *“Qua đo đạc xác minh ngày 13/3/2003, di sản của ông T3, bà Lãnh để lại gồm 511m² đất thổ cư...”*. Như vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế giữa bà C với bà Á thì Tòa án có thực hiện việc đo đạc phần đất tranh chấp thừa kế, nhưng chỉ đo trong khuôn viên ranh thực tế bà C đang sử dụng, mà không đo bao gồm diện tích đất tranh chấp hiện nay giữa bà T với bà C, vì nếu khi đó mà đo cả diện tích đất bà T đang sử dụng thì giữa bà T với bà C sẽ phát sinh tranh chấp ngay tại thời điểm năm 2003 chứ không phải sau này mới tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này của bà C.

Về phía bà T, tuy không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ T2 và cũng chưa tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp, nhưng nguồn gốc đất đã được bà C thừa nhận và bà T đã có quá trình sử dụng ổn định từ năm 1969 đến nay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc công nhận cho bà T được sử dụng diện tích đất 178.6m² tại vị trí các mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M15 – M16 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, và bác yêu cầu phản tố của bà C là có căn cứ.

[2.3] Đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP Đ:

Trước khi thụ lý vụ án, ngày 17/6/2019, bà C ký kết với Ngân hàng TMCP Đ (Chi nhánh Đồng Tháp) Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/12574509/HĐBĐ có nội dung bà C thế chấp toàn bộ diện tích 409m² tại thửa đất số 2324 để đảm bảo khoản nợ vay 200.000.000 đồng cho chị Trần Kim H2 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD ngày 17/6/2019 được ký kết giữa chị Trần Kim H2 với Ngân hàng TMCP Đ (chi nhánh Đồng Tháp). Bà C đã giao cho Ngân hàng lưu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB941216 ngày 23/9/2009. Do

khoản vay chưa được tất toán nên Ngân hàng vẫn đang lưu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Ngân hàng TMCP Đ có ý kiến bằng văn bản với nội dung chỉ xuất tài sản thế chấp khi hộ bà C trả hết nợ. Trong khi đó, tổng diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB941216, ngày 23/9/2009 nêu trên lại có cả 178.6m² đất tranh chấp mà nguyên đơn đang yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 178.6m² đất này. Về phía Ngân hàng khi cho vay không thẩm định kỹ dẫn đến không biết diện tích đất bà C sử dụng nhỏ hơn diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp. Do đó, có cơ sở xác định tài sản hợp pháp để thế chấp chỉ có phần đất bà C đang sử dụng thực tế. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C đối với diện tích 178.6m² đất tranh chấp và khi tuyên buộc bà C, anh P, chị H2, anh H cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ngân hàng thì phải tuyên thêm nội dung Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đối với phần tài sản thế chấp hợp pháp của bà C nếu bên trả nợ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận 178.6m² đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà T, nhưng lại tuyên đề nghị UBND huyện Cao Lãnh thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp và tuyên tiếp tục duy trì hợp toàn bộ đồng thế chấp là không thể thi hành án được. Về vấn đề này, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục được, việc khắc phục không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử chỉ nêu đề Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, sửa một phần bản án sơ thẩm về cách tuyên cho đúng quy định của pháp luật như nhận định nêu trên.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C được miễn, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 165, Điều 166, Điều 189, Điều 463, Điều 466, Điều 467 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 100, Điều 166 và Điều 203 của Luật Đất đai.

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị C. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về cách tuyên.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T.

Bà Thái Thị T được tiếp tục sử dụng diện tích đất 178.6m² thuộc vị trí các mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M15 – M16 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh. Cụ thể:

- Từ mốc M5 đến mốc M6 là 13.67 mét.
- + Mốc M5 có điểm gọi đến trụ đá trên thửa đất số 2323 là 10.10 mét;
- + Mốc M6 có điểm gọi đến trụ đá trên thửa đất số 2323 là 8.41 mét và 5.45 mét.
- Từ mốc M6 đo đến mốc M7 – M8 – M9 là 5.20 mét + 4.02 mét + 4.24 mét.
- + Mốc M7 có điểm gọi đến trụ đá trên thửa đất số 2323 là 5.15 mét và mốc M2 (Trụ đá) là 4.45 mét;
- + Mốc M8 có điểm gọi đến nền mộ trên đất của bà T là 5.65 mét và 4.74 mét;
- + Mốc M9 có điểm gọi đến nền mộ trên đất của bà T là 5.01 mét.
- Từ mốc M9 đo đến mốc M10 (Trụ đá) là 13.32 mét.
- Mốc M10 có điểm gọi đến trụ đá bên kia đường đá là 5.83 mét.
- Từ mốc M10 đo đến mốc M15 là 22.74 mét.
- Mốc M15 có điểm gọi đến mốc M18 là 2.77 mét.
- Từ mốc M15 đo đến mốc M16 là 15.93 mét.
- Mốc M16 có điểm gọi đến góc nhà vệ sinh nhà bà T là 2.13 mét và đo đến góc nhà của bà T (M15) là 4.83 mét.
- Từ mốc M16 đo đến mốc M17 là 1.83 mét và đo đến mốc M5 là 3.35 mét + 4.17 mét.

Mốc M17 có điểm gọi đến góc nhà phụ (M22) của bà T là 4.53 mét.

Đất tọa lạc tại Ấp 5, xã Phương T1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019, ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (Bổ sung) ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc hiện trạng tranh chấp ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị C.

4. Ranh giới giữa đất bà Thái Thị T và hộ bà Nguyễn Thị C được nối từ các mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 và M10 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh.

5. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB941216, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 03403 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C ngày 23/9/2009 đối với diện tích đất 178,6m²

thuộc một phần thửa đất số 2324, tờ bản đồ số 6, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn, thuộc vị trí các mốc M5 – M6 – M7 – M8 – M9 – M10 – M15 – M16 – M5 theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh.

6. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị C, anh Lê Văn P, chị Trần Kim H2, anh Phan Văn H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn, tiền lãi là 264.341.638 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) và lãi suất phát sinh tính từ ngày 09/7/2022 của khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD ngày 17/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp và chị Trần Kim H2.

Nếu bà Nguyễn Thị C, anh Lê Văn P, chị Trần Kim H2, anh Phan Văn H không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12574311/HĐTD ngày 17/6/2019 thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phần tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2019/12574509/HĐBĐ ngày 17/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ (Chi nhánh Đồng Tháp) với bà Nguyễn Thị C, ông Lê Văn P đối với diện tích đất hộ bà C được sử dụng hợp pháp (Không bao gồm phần diện tích đất 178.6m² tranh chấp đã được giải quyết trong vụ án này), theo Sơ đồ đo đạc ngày 11/3/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh để thu hồi nợ.

7. Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin điều chỉnh hoặc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với nội dung quyết định của bản án.

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.613.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) bà Nguyễn Thị C phải chịu. Bà T đã tạm ứng số tiền 4.013.000 đồng. Bà C đã tạm ứng số tiền 600.000 đồng nên bà C có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 4.013.000 đồng (Bốn triệu mười ba nghìn đồng).

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thái Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà C phải chịu 2.550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng phí là 931.000 đồng (Chín trăm ba mươi một nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006134 ngày 29/3/2021 (do anh Phan Văn H nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng phí là 6.608.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004704 ngày 28/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

- Chị Trần Kim H2, anh Phan Văn H và anh Lê Văn P phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền là 9.954.000 đồng (Chín triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C được miễn.

11. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự (9);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 20b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Ngọc Huynh